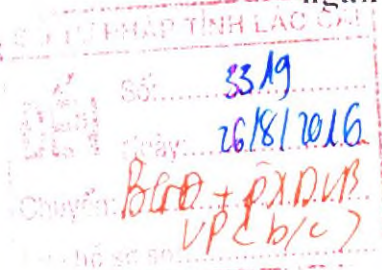


Số: **66** /2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **19** tháng **8** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 369/TTr-SNV ngày 8/8/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh

phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ sở đào tạo thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban Tài chính Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Tư pháp;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX, TH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

**Về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước
dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 66 /2016/QĐ-UBND ngày 19/ 8/2016
của UBND tỉnh Lào Cai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung khác liên quan lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức (Sau đây viết tắt là CBCCCVC) được đào tạo, bồi dưỡng gồm:

a) Cán bộ, công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự; viên chức; hợp đồng lao động không xác định thời hạn đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh và cấp huyện;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

d) Cán bộ, công chức cấp xã;

e) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, bản, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn;

g) Luật sư, cán bộ quản lý doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng, khi các học viên này tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế chuyên sâu do các cơ quan nhà nước của tỉnh tổ chức đào tạo theo quyết định của UBND tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCCVC gồm:

a) Các cơ sở đào tạo;

b) Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao chi tiêu, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

3. Các cơ quan quản lý về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC gồm:

a) Các cơ quan cấp tỉnh: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;

b) Các cơ quan cấp huyện: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính Kế hoạch.

Điều 3. Phạm vi sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với những đối tượng không thuộc phạm vi quản lý nhưng theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền phải được đào tạo, bồi dưỡng thì UBND tỉnh giao nhiệm vụ và UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao kinh phí cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên hàng năm cho CBCCVC các kiến thức: Quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, ngoại ngữ, tin học, hội nhập kinh tế quốc tế, tiếng dân tộc ... (bao gồm cả tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý).

2. Căn cứ điều kiện cử CBCCVC đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và điều kiện cử CBCCVC được cử đi đào tạo sau đại học; căn cứ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn kinh phí khác, các cơ quan, đơn vị quyết định việc hỗ trợ một phần chi phí (học phí, mua giáo trình) cho đối tượng CBCCVC được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi học trung cấp, cao đẳng, đại học và đi đào tạo sau đại học. Việc hỗ trợ này phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được sử dụng để chi các hoạt động trực tiếp phục vụ cho công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; chi các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; chi hỗ trợ CBCCVC trong cơ quan, đơn vị được cử đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học và đi đào tạo sau đại học.

4. Không sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC để chi cho các hoạt động bộ máy, chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị được giao chi tiêu đào tạo.

5. Dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, nếu còn dư (kể cả dư do không thực hiện hết chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng) sẽ được hoàn trả cho ngân sách.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục I

NỘI DUNG, MỨC CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CBCCVC Ở TRONG NƯỚC

Điều 5. Nội dung chi

Các nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở trong nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư 139/2010/TT-BTC, cụ thể như sau:

1. Các nội dung chi do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, được giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, giáo trình thực hiện:

a) Các khoản chi phục vụ trực tiếp lớp học:

- Chi thù lao giảng viên; phụ cấp tiền ăn giảng viên; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên;

- Chi tài liệu học tập theo nội dung chương trình khóa học cho học viên (không kể tài liệu tham khảo);

- Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc;

- Chi hỗ trợ cho các đối tượng học viên sau: những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố. Nội dung: hỗ trợ một phần tiền ăn; hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết nguyên đán); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ trong thời gian đi học tập trung tại cơ sở đào tạo.

- Chi thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có);

- Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi; hội đồng xét kết quả; chi lễ khai giảng, bế giảng;

- Chi nước uống phục vụ lớp học; đối với các lớp học chuyên sâu, nâng cao có chuyên gia nước ngoài giảng dạy được chi giải khát giữa giờ (cà phê, trà, hoa quả, bánh ngọt ...);

- Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có);

- Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm).

- Chi in và cấp chứng chỉ;

- Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe ...).

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đã được ngân sách đầu tư xây dựng phòng nghỉ phải có trách nhiệm bố trí chỗ nghỉ cho học viên ở xa đối với những lớp được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và phân bổ kinh phí thực hiện không được thu thêm khoản tiền phòng nghỉ của học viên.

b) Chi các hoạt động quản lý trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC:

- Chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo trong trường hợp phải tổ chức lớp ở xa cơ sở đào tạo; chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có);

- Chi khảo sát, điều tra, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; chi tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ngay sau khi kết thúc khóa học và tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý;

- Các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có):

c) Chi dịch thuật;

d) Chi biên soạn chương trình, giáo trình mới hoặc chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình: Do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ chi từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được giao hàng năm.

2. Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử CBCCVC đi học thực hiện

a) Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về trong một đợt học hoặc một kỳ học); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCCVC trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ). Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử CBCCVC đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho CBCCVC được cử đi học hai khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính và của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập;

Cơ quan, đơn vị cử CBCCVC đi học không chi hỗ trợ tiền chi phí đi lại và tiền thuê chỗ nghỉ đối với các trường hợp là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố đã được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC chi hỗ trợ theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC nhưng không có cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, không có điều kiện tự tổ chức lớp nên phải gửi CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo khác thì cơ quan, đơn vị thanh toán cho các cơ sở đào tạo các khoản:

- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo hợp đồng dịch vụ do cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ký kết với cơ sở đào tạo. Chi phí hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng được lập trên cơ sở chế độ, định mức chi tại Quy định này; tiền mua giáo trình, tài liệu (không kể cả tài liệu tham khảo) theo hóa đơn thu tiền của cơ sở đào tạo;

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho những đối tượng học viên được hỗ trợ theo quy định trong những ngày đi tập trung học. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên theo đúng mức hỗ trợ được cơ quan, đơn vị ký kết với cơ sở đào tạo tại hợp đồng dịch vụ và theo đúng số ngày thực tế học viên đi học;

Trường hợp cơ quan, đơn vị cử cán bộ đi học thanh toán trực tiếp cho học viên khoản chi hỗ trợ tiền ăn, thì chứng từ chi phải kèm theo xác nhận của cơ sở đào tạo về số ngày thực tế học viên đi học.

3. Chi các hoạt động trực tiếp phục vụ cho công tác quản lý đầu tư, bồi dưỡng CBCCVC của các đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Quy định này gồm: Chi cho công tác xây dựng, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi văn phòng phẩm; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng và các chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Điều 6. Mức chi

1. Chi thù lao giảng viên: Tùy theo đối tượng, trình độ học viên và dự toán kinh phí được giao mà các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC bố trí mời giảng viên, báo cáo viên từng cấp cho phù hợp. Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên cho một buổi giảng 5 tiết (đã bao gồm thù lao soạn giáo án bài giảng) theo quy định sau:

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 1.000.000 đồng/buổi;

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HDND, Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Bí thư tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học: 800.000 đồng/buổi;

c) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch HDND, Phó chủ tịch UBND tỉnh; Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng và Phó viện trưởng thuộc Bộ; Tổng cục trưởng, Phó tổng cục trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó cục trưởng thuộc Bộ và các chức danh tương đương; phó giáo sư, tiến sỹ; chuyên viên cao cấp của các cơ quan Trung ương: 600.000 đồng/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên là thạc sỹ, chuyên viên chính của các cơ quan Trung ương, giảng viên chính tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Trung ương: 500.000 đồng/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên là Bí thư, Phó bí thư huyện ủy, thành ủy; Trưởng, Phó các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; chuyên viên cao cấp của các cơ quan của tỉnh: 450.000 đồng/buổi;

e) Giảng viên, báo cáo viên là trưởng, phó các phòng của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; chuyên viên của các cơ quan Trung ương: 400.000 đồng/buổi;

g) Giảng viên, báo cáo viên là thạc sỹ, chuyên viên chính của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh (không đồng thời là trưởng, phó các phòng): 350.000 đồng/buổi;

h) Giảng viên, báo cáo viên là chuyên viên của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh: 300.000 đồng/buổi;

i) Giảng viên, báo cáo viên cấp huyện, chuyên viên các ban, ngành cấp huyện và tương đương trở xuống: 200.000 đồng/buổi;

k) Giảng viên, báo cáo viên là người nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết, UBND tỉnh quyết định cho phép cơ quan, đơn vị mời giảng viên, báo cáo viên là người nước ngoài; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị mình được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt để quyết định mức thù lao cho giảng viên.

2. Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC quyết định mức chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức chi phụ cấp lưu trú theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong phạm vi nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

3. Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên

Trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện, không có điều kiện để bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức quy định hiện hành của tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, trong phạm vi nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

4. Chi dịch thuật

Mức chi theo quy định hiện hành của tỉnh.

5. Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi

Mức chi theo quy định hiện hành của tỉnh.

6. Chi hỗ trợ một số đối tượng học viên

a) Mức hỗ trợ tiền ăn cho một số đối tượng học viên trong thời gian học tập trung tại các cơ sở đào tạo: Theo quy định hiện hành của tỉnh;

b) Mức chi hỗ trợ chi phí đi lại cho học viên theo giá cước vận tải ô tô khách thông thường;

c) Mức chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ trong thời gian đi học tập trung tại cơ sở đào tạo: Theo quy định hiện hành của tỉnh.

7. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc

Căn cứ khả năng nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp, các cơ quan, đơn vị quyết định chi khen thưởng cho học viên theo mức: không quá 100.000 đồng/ 01 học viên đạt loại giỏi; không quá 150.000 đồng/ 01 học viên đạt loại xuất sắc.

8. Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học

a) Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy; chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ; chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên ...

Các khoản chi phí thực tế nêu trên khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Các khoản chi có mức chi lớn thuộc diện phải đấu thầu thì

phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp các cơ quan, đơn vị mượn hội trường, phòng học để tổ chức lớp học nhưng vẫn phải chi trả tiền điện, nước, vệ sinh, an ninh phục vụ thì chúng từ thanh toán là hợp đồng, thanh lý hợp đồng và phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn:

b) Chi giải khát giữa giờ (nếu có đối với các lớp có chuyên gia nước ngoài giảng dạy): tùy theo khả năng nguồn kinh phí, các cơ quan, đơn vị chi trong phạm vi không quá mức quy định hiện hành của tỉnh về chế độ chi tiêu đón, tiếp khách nước ngoài; chế độ chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế do các cơ quan, đơn vị của tỉnh tổ chức hoặc phối hợp tổ chức và chi tiêu tiếp khách trong nước;

c) Chi nước uống phục vụ lớp học (không kể chi giải khát giữa nêu trên): chi trong phạm vi mức chi theo quy định hiện hành của tỉnh về chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Chi phí cho việc tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

a) Căn cứ chương trình đào tạo, bồi dưỡng nếu cần tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế thì các cơ quan, đơn vị được chi những nội dung sau: Chi trả phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát; chi hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi khảo sát, thực tế;

b) Đối với chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: theo hợp đồng, chúng từ chi thực tế;

c) Đối với chi hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế (ngoài mức hỗ trợ tiền ăn cho một số đối tượng theo quy định tại mục g nêu trên): Căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định mức hỗ trợ nhưng không vượt quá mức chi công tác phí hiện hành theo quy định của tỉnh đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Chi các hoạt động quản lý trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC:

Trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan, đơn vị tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được phép trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học để chi cho các nội dung theo điểm b, Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

Trường hợp nếu chi phục vụ quản lý lớp học không hết, các cơ quan, đơn vị được chủ động sử dụng cho các nội dung khác có liên quan phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về định mức chi quản lý và sử dụng khoản kinh phí quản lý lớp học đảm bảo phù hợp quy định hiện hành của nhà nước.

11. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

Căn cứ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán hàng năm của đơn vị để phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng

CBCCVC, các cơ quan thực hiện chỉ theo các nội dung quy định tại khoản 3, Điều 5 của Quy định này. Việc chi tiêu thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu tổ chức hội nghị; chứng từ hợp lệ mua văn phòng phẩm.

Mục 2

NỘI DUNG, MỨC CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CBCCVC Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Nội dung chi

Các nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở trong nước thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Thông tư 139/2010/TT-BTC, cụ thể: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở nước ngoài được giao trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở nước ngoài và được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi phí dịch vụ phải trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ đào tạo ở trong nước;
2. Chi học phí và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài;
3. Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu;
4. Chi phí mua bảo hiểm y tế trong thời gian học tập ở nước ngoài;
5. Chi phí cho công tác tổ chức lớp học: Khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài;
6. Chi phí ăn, ở, đi lại, lệ phí sân bay; chi mua bảo hiểm;
7. Chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa).

Điều 8. Mức chi

Căn cứ yêu cầu công tác cán bộ trong từng thời kỳ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, sau khi xem xét ý kiến tham mưu của các Sở, Ban, ngành về nội dung, đối tượng đào tạo bồi dưỡng, ý kiến tham mưu của Sở Tài chính về kinh phí, UBND tỉnh quyết định cụ thể đối tượng (đến danh sách từng cá nhân), thời gian và kinh phí ngân sách chi trả khi cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

Mục 3

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CBCCVC

Điều 9. Lập dự toán đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Đối với các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC sử dụng các nguồn vốn ngân sách địa phương: việc lập dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC thực hiện cùng thời gian lập, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

2. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu định hướng, chiến lược đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh, trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, Đề án, dự án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC (bao gồm cả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở nước ngoài). Kế hoạch đào tạo phải được lập chi tiết theo từng đơn vị thực hiện, theo từng nguồn kinh phí (nguồn ngân sách địa phương, nguồn trung ương hỗ trợ, nguồn kinh phí khác; phải thể hiện được sự lồng ghép các nguồn vốn ngân sách thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với các Đề án, dự án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thực hiện theo các Quyết định riêng; hàng năm căn cứ vào hướng dẫn của cơ quan Trung ương chủ trì Đề án, dự án về đối tượng, số lượng cán bộ, công chức cần đào tạo, bồi dưỡng, Sở Nội vụ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh phù hợp với mục tiêu Đề án, dự án đã được phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham gia ý kiến trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký gửi cơ quan Trung ương chủ trì Đề án, dự án.

4. Đối với các Đề án, dự án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được Thủ tướng Chính phủ cho phép ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương, Sở Nội vụ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh phù hợp với mục tiêu Đề án, dự án đã được phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí gửi cơ quan Trung ương được giao chủ trì Đề án, dự án và Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 10. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thực hiện theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương. Các cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tổng hợp quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cùng quyết toán quý, năm của đơn vị gửi cơ quan Tài chính xét duyệt theo quy định. Trong báo cáo quyết toán, các cơ quan đơn vị thuyết minh chi tiết tình hình thực hiện chỉ tiêu, dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Định kỳ trước ngày 15/6 và 31/10 hàng năm lập báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của huyện, thành phố theo quy định gửi Sở Nội vụ trước ngày 15/6 và 31/10 hàng năm. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quy định chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị của huyện, thành phố để đảm bảo thời gian tổng hợp báo cáo như trên.

3. Sở Nội vụ: Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị, huyện (thành phố) và lập báo cáo 6 tháng, báo cáo năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 30/6 và 15/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở báo cáo của Sở Nội vụ, phối hợp với Sở Tài chính, định kỳ trước ngày 10/7 và 10/11 hàng năm lập báo cáo 6 tháng và báo cáo năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện và kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCCVC gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (hoặc tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án đào tạo do các cơ quan Trung ương chủ trì thực hiện, cấp kinh phí);

b) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC;

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thẩm định chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC từ tất cả các nguồn vốn ngân sách, thống nhất với Sở Tài chính về chỉ tiêu kế hoạch để đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC;

b) Chủ trì lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu, dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phân bổ để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, dự án;

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 của Quy định này.

3. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đã thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức thẩm định dự toán, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC;

b) Cấp phát kinh phí, xét duyệt quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo quy định;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý, sử dụng hiệu quả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thuộc huyện, thành phố:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của huyện, thành phố, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp; gửi Phòng Tài chính kế hoạch tổng hợp dự toán ngân sách của cả năm;

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định giao dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của huyện, thành phố theo quy định;

c) Cấp phát, xét duyệt quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo quy định;

d) Tham mưu cho UBND huyện, thành phố thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Quy định này.

5. Các cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

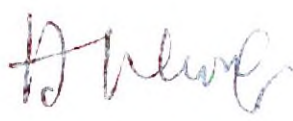
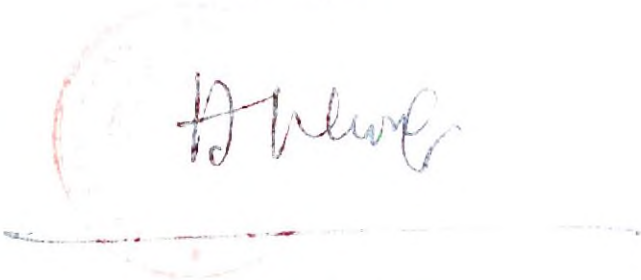
a) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC gửi cơ quan Nội vụ để tổng hợp, cơ quan Tài chính, Kế hoạch cùng cấp để thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo đúng quy định;

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thủ trường các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

